

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH CAO BẰNG

Số: **1053/CBA-NVDTPC**
V/v triển khai chính sách thuế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Các Tổ chức, Doanh nghiệp, Người nộp thuế
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế, để các tổ chức, doanh nghiệp và người nộp thuế trên địa bàn tỉnh biết và thực hiện, Thuế tỉnh Cao Bằng triển khai một số nội dung của các chính sách thuế như sau:

I. Nghị định số 49/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định về ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh.

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về áp dụng ngưỡng tiền thuế nợ và thời gian nợ trong các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh; về việc thông báo áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh và hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế; cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam có nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.

2.2. Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước và các tổ chức khác có liên quan đến việc thực hiện Nghị định này.

3. Áp dụng ngưỡng tiền thuế nợ và thời gian nợ trong các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh

3.1. Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có số tiền thuế nợ từ 50 triệu đồng trở lên và số tiền thuế nợ đã quá thời hạn nộp theo quy định trên 120 ngày.

3.2. Cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành

chính về quản lý thuế có số tiền thuế nợ từ 500 triệu đồng trở lên và số tiền thuế nợ đã quá thời hạn nộp theo quy định trên 120 ngày.

3.3. Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký có số tiền thuế nợ quá thời hạn nộp theo quy định và sau thời gian 30 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý thuế thông báo về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

3.4. Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam có số tiền thuế nợ quá thời hạn nộp theo quy định mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

4. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Lưu ý: Người nộp thuế thực hiện đăng ký tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế, cài đặt ứng dụng Etax mobile để thực hiện giao dịch với cơ quan thuế một cách nhanh chóng, tiện lợi; thường xuyên cập nhật thông tin về địa chỉ nhận thông báo với cơ quan thuế một cách đầy đủ và chính xác để kịp thời nhận được các thông tin về nợ thuế, thông tin tạm hoãn xuất cảnh,... do cơ quan thuế gửi đến.

II. Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 điều 157 Luật đất đai năm 2024

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 (bao gồm cả nội dung giảm tiền thuê đất năm 2025).

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, người sử dụng đất và các đối tượng khác có liên quan đến việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này.

3. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

3.1. Nguyên tắc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các trường hợp quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai năm 2024; Điều 17, Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3.2. Việc miễn tiền sử dụng đất trong trường hợp giao đất tái định cư thực hiện theo quy định tại Nghị định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

3.3. Việc miễn, giảm tiền thuê đất đối với dự án xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thực hiện theo điều ước đã ký kết (cam kết) hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

3.4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các trường hợp quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định tại các Điều 18, 19, 21, 39, 40 và 41 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

3.5. Người có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 123 Luật Đất đai năm 2024 quyết định việc miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng tương ứng với đối tượng thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Nghị định này trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5 và 6 Điều 5 Nghị định này; trong đó ghi rõ nội dung: Lý do miễn; diện tích đất được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; thời gian được miễn tiền thuê đất. Trường hợp miễn tiền thuê đất theo quy định tại các khoản 3, 5 và 6 Điều 5 Nghị định này thì cơ quan thuế quyết định việc miễn tiền thuê đất theo quy định.

3.6. Trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này thì người sử dụng đất không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; chỉ phải cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền về việc thuộc đối tượng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này.

3.7. Trường hợp Nghị định này có quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khác với quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 8 năm 2025.

III. Nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) đáp ứng sử dụng mã chương của các Bộ, cơ quan ngang Bộ sau hợp nhất, sáp nhập và theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

Triển khai Thông tư số 41/2025/TT-BTC ngày 16/6/2025 và công văn số 9682/BTC-KBNN ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính, công văn số 2699/BTC-KBNN ngày 06/3/2025 hướng dẫn về thay đổi mục lục ngân sách nhà nước (mã chương) của các Bộ, cơ quan ngang Bộ sau hợp nhất, sáp nhập và theo sắp xếp tổ chức bộ máy thay đổi theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Cục Thuế

triển khai nâng cấp ứng dụng CNTT đáp ứng sử dụng mã chương của các Bộ, cơ quan ngang Bộ sau hợp nhất, sáp nhập và theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Hệ thống ứng dụng CNTT của ngành thuế cập nhật danh mục mã chương theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BTC ngày 16/6/2025 của Bộ Tài chính, công văn số 2699/BTC-KBNN ngày 06/3/2025 và công văn số 9682/BTC-KBNN ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính để thực hiện đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế, hạch toán thu nộp, kế toán thuế từ ngày 11/7/2025.

Hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS) tự động cập nhật danh mục mã chương cũ sang mã chương mới tương ứng tại thông tin quản lý đăng ký thuế của người nộp thuế, trừ một số trường hợp cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế phối hợp với người nộp thuế thực hiện rà soát xác định lại mã chương của người nộp thuế, nếu có thay đổi mã chương thì thực hiện cập nhật thông tin vào phân hệ đăng ký thuế

Đối với số tiền thuế phải thu, đã thu, còn phải thu, phải hoàn, đã hoàn, còn phải hoàn, miễn, giảm, khoan nợ, xóa nợ của người nộp thuế phát sinh và hạch toán theo chương cũ, hệ thống quản lý thuế tự động ánh xạ sang mã chương tương ứng khi thực hiện các thủ tục điều chỉnh, hoàn thuế... hoặc cung cấp thông tin cho người nộp thuế hoặc các cơ quan liên quan (nếu có).

Thuế tỉnh Cao Bằng đăng tải toàn bộ nội dung Nghị định số 49/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ, Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ trên Trang thông tin điện tử Thuế tỉnh Cao Bằng tại địa chỉ: <http://caobang.gdt.gov.vn>

Thuế tỉnh Cao Bằng thông báo đề các Tổ chức, Doanh nghiệp và Người nộp thuế trên địa bàn tỉnh biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các Tổ chức, DN và Người nộp thuế thuộc phòng QLDN (qua email);
- Các đơn vị sự nghiệp tỉnh CB (qua iOffice);
- Hiệp hội DN tỉnh CB;
- Hội DN trẻ tỉnh CB;
- Câu lạc bộ Nữ Doanh nhân;
- Hiệp hội Du lịch tỉnh CB;
- CLB Doanh nghiệp, doanh nhân Cựu chiến binh, Cựu quân nhân tỉnh Cao Bằng;
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Các Phòng thuộc Thuế tỉnh;
- Các Thuế cơ sở tỉnh Cao Bằng (thông báo cho NNT thuộc Thuế cơ sở quản lý);
- Website Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC (02).

TRƯỞNG THUẾ TỈNH



Nguyễn Việt Long